

DANH SÁCH XÉT TIÊU CHÍ PHỤ XÉT TUYỂN VÀO HỆ QUÂN SỰ HỌC VIỆN QUÂN Y NĂM 2016
(Kèm theo Thông báo số 2408/TB-HĐTS, ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh)

STT	Tên thí sinh	Giới	Ngày sinh	Số BD	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3	U.T	Tổng	Ghi chú
Nam, Miền Bắc													
33	ĐỖ MINH HIẾU	Nam	07/03/1998	HDT005802	Toán	Vật lý	Hóa	9.00	8.40	7.60	1.50	26.50	
34	NGUYỄN SỸ MINH NGHĨA	Nam	04/05/1997	HVN006598	Toán	Vật lý	Hóa	8.00	9.00	8.40	1.00	26.50	
Nam, Miền Bắc													
94	NGUYỄN VĂN TOÀN	Nam	26/10/1998	HDT017341	Toán	Sinh	Hóa	7.25	9.60	8.60	0.50	26.00	
95	DƯƠNG VĂN ĐỨC	Nam	20/12/1997	DHU001441	Toán	Sinh	Hóa	8.00	9.20	7.80	1.00	26.00	
96	LƯƠNG ĐÌNH LƯƠNG	Nam	08/05/1998	NHH001372	Toán	Sinh	Hóa	7.75	8.80	8.00	1.50	26.00	
97	NGUYỄN ĐÌNH HẢO	Nam	06/05/1998	TDV005156	Toán	Sinh	Hóa	8.25	8.80	8.00	1.00	26.00	
98	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Nam	13/12/1997	DCN013851	Toán	Sinh	Hóa	8.75	8.60	8.20	0.50	26.00	
99	VŨ ĐÌNH DIỄN	Nam	08/11/1998	DCN001730	Toán	Sinh	Hóa	9.25	8.60	7.60	0.50	26.00	
100	VŨ QUỐC VĂN	Nam	10/03/1998	TDV020906	Toán	Sinh	Hóa	8.25	8.40	8.80	0.50	26.00	132,7
101	TRẦN DUY TOÀN	Nam	27/03/1998	HDT017367	Toán	Sinh	Hóa	7.75	8.40	8.80	1.00	26.00	130,0
102	NGÔ MINH ĐỨC	Nam	30/05/1997	DCN003086	Toán	Sinh	Hóa	8.00	8.40	8.60	1.00	26.00	126,1
103	NGUYỄN VĂN TIẾN	Nam	24/10/1998	GHA006022	Toán	Sinh	Hóa	9.00	8.20	8.20	0.50	26.00	
104	DƯƠNG XUÂN TỰ	Nam	12/10/1997	DHS017234	Toán	Sinh	Hóa	8.00	8.20	8.20	1.50	26.00	
105	ĐỖ MẠNH CẨM	Nam	23/03/1998	DCN001154	Toán	Sinh	Hóa	9.00	7.80	8.60	0.50	26.00	
106	TRẦN ĐỨC VŨ	Nam	26/03/1998	DCN014787	Toán	Sinh	Hóa	9.25	7.80	8.40	0.50	26.00	
107	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	05/04/1997	KHA002477	Toán	Sinh	Hóa	8.50	7.40	8.60	1.50	26.00	
108	CAO ĐÌNH TUẤN	Nam	02/04/1998	HDT018735	Toán	Sinh	Hóa	7.25	7.40	7.80	3.50	26.00	
Nam, Miền Nam													
46	TRẦN BÁO AN	Nam	15/03/1998	YCT000072	Toán	Sinh	Hóa	6.50	8.40	9.00	0.50	24.50	
47	TRƯƠNG XUÂN DƯƠNG	Nam	11/01/1998	KS4001235	Toán	Sinh	Hóa	7.50	8.20	7.40	1.50	24.50	
48	TRẦN VŨ THÔNG	Nam	06/08/1998	DDF002029	Toán	Sinh	Hóa	7.50	8.00	7.40	1.50	24.50	
49	HOÀNG VĂN THỨ	Nam	25/01/1998	TTN013592	Toán	Sinh	Hóa	5.50	7.80	7.80	3.50	24.50	
50	CAO GIA THỊNH	Nam	18/04/1998	TCT004915	Toán	Sinh	Hóa	8.75	7.60	8.20		24.50	
51	CHÂU TRỌNG PHÚ	Nam	28/02/1998	XDT005997	Toán	Sinh	Hóa	8.50	7.40	8.00	0.50	24.50	
52	TRẦN MẠNH QUANG	Nam	12/10/1998	DTT006968	Toán	Sinh	Hóa	8.75	7.20	7.60	1.00	24.50	
53	ĐẶNG NGỌC VŨ	Nam	19/06/1997	SPK011133	Toán	Sinh	Hóa	8.00	7.00	8.40	1.00	24.50	
54	NGUYỄN VĂN THIÊN	Nam	16/02/1998	XDT007734	Toán	Sinh	Hóa	8.50	6.40	8.00	1.50	24.50	
Nữ, Miền Nam													
2	LÊ THỊ THUẬN	Nữ	20/03/1997	NLS006579	Toán	Vật lý	Hóa	8.50	7.80	7.80	1.50	25.50	
3	PHẠM THỊ LINH	Nữ	28/04/1998	TTN007053	Toán	Vật lý	Hóa	7.75	8.40	5.80	3.50	25.50	

(Chữ ký)